TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2018
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Đào;
2. Bà Lâm Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên toà*:* Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị Yến A, sinh năm 19xx (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện M, tỉnh S.

- *Bị đơn*: Ông Trần Thanh B**,** sinh năm 19xx. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh S.

Con chung trên 07 tuổi: Trần Cao Thảo M, sinh ngày 05/4/20xx (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện M, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Cao Thị Yến A trình bày:

Bà Cao Thị Yến A và ông Trần Thanh B kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện M vào ngày 22/9/2008, sau khi cưới bà A và ông B thuê nhà riêng sinh sống, thời gian chung sống bà A và ông B thường phát sinh mâu thuẫn do việc ông B chi tiêu tài chính không rõ ràng, thiếu trách nhiệm chung trong gia đình. Tuy bà A cùng ông B cũng đã khắc phục nhiều lần nhưng ông B vẫn tiếp diễn nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà A thấy hôn nhân giữa hai người không đem đến cho bà hạnh phúc, bà A yêu cầu Toà án xem xét cho bà được ly hôn với ông Trần Thanh B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà A và ông B có 02 con chung tên Trần Cao Thảo M, sinh ngày 05/4/20xx và Trần Cao Ngọc D, sinh ngày 05/5/20xx hiện hai cháu đang sống với bà A. Khi ly hôn bà A yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống ông A và bà B không có nợ chung, sau khi sống ly thân thì bà Cao Thị Yến A có tự vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

số tiền 250.000.000 đồng vay trừ lương của bà A. Phần nợ này bà A tự trả không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tường trình ngày 01/12/2017 bị đơn ông Trần Thanh B trình bày: Ông và bà A kết hôn vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện M. Sau khi kết hôn ông và bà A chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn ông cảm thấy không còn chung sống với nhau được nữa, nay bà A yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý. Trong thời gian chung sống ông và bà A có 02 con chung tên Trần Cao Thảo M, sinh ngày 05/4/20xx và Trần Cao Ngọc D, sinh ngày 05/5/20xx, khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà A nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu. Về tài sản chung, nợ chung không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Trần Cao Thảo M: Cháu có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì cháu được sống cùng mẹ là bà Cao Thị Yến A.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Ông Trần Thanh B đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông B có đơn xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Thanh B.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Cao Thị Yến A được ly hôn với ông Trần Thanh B. Về con chung: Giao cho bà Cao Thị Yến A được quyền nuôi dưỡng các con chung tên Trần Cao Thảo M, sinh ngày 05/4/20xx và Trần Cao Ngọc D, sinh ngày 05/5/20xx đến tuổi trưởng thành, ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Thanh B đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuy nhiên ông B có đơn xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm , áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Thanh B. Đối với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt Chi nhánh Sóc Trăng Tòa án có thông báo số 11/2018/TB-TA ngày 21/02/2018 về việc làm đơn yêu cầu độc lập nhưng Ngân hàng không có yêu cầu nên Tòa án không đưa Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt Chi nhánh Sóc Trăng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung: Việc tranh chấp giữa bà Cao Thị Yến A và ông Trần Thanh B là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", bà A và ông B kết hôn vào năm 2008 có có đăng ký kết hôn tại UBND xã G , huyện M . Xét thấy, bà A và ông B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và thực hiện việc đăng ký kết hôn với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và được UBND xã G cấp giấy chứng nhận kết số 58 ngày 22/9/2008 nên quan hệ hôn nhân của bà A và ông B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị Yến A, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà A và ông B sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do việc ông B chi tiêu tài chính không rõ ràng, thiếu trách nhiệm chung trong gia đình từ đó vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông A và bà B đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Cũng như trong quá trình giải quyết ông B có tường trình ông đồng ý ly hôn với bà A do vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà A và ông B thật sự không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông B, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Cao Thị Yến A.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà A và ông B có hai con chung tên Trần Cao Thảo M, sinh ngày 05/4/20xx và Trần Cao Ngọc D, sinh ngày 05/5/20xx hiện các cháu đang sống với bà A. Tại phiên tòa bà A yêu cầu khi vợ chồng ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi hai con chung đến tuổi trưởng thành. Trong quá trình giải quyết ông B cũng đồng ý giao các con chung cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, các cháu Thảo M và Ngọc D hiện nay đang sống với bà A, bà A có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành, để tránh cuộc sống hiện tại của các cháu bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu và ổn định việc học của các cháu, ngoài ra cháu Thảo M có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ nên cần giao cho bà A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Loan, giao cho bà Loan được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Trần Cao Thảo M, sinh ngày 05/4/20xx và Trần Cao Ngọc D, sinh ngày 05/5/20xx đến tuổi trưởng thành; ông B được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Cao Thị Yến A yêu cầu ông Trần Thanh B cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu yêu cầu cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại tờ tường trình ngày 01/12/2017 ông B đồng ý nhường quyền nuôi con cho bà A tiếp tục nuôi các con đến trưởng thành ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu đến khi các con tròn 18 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì: *"cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Ông B không trực tiếp nuôi hai con Thảo M và Ngọc D nhưng ông B đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu là phù hợp. Vì vậy cần buộc ông Trần Thanh B cấp dưỡng nuôi hai con tên Trần Cao Thảo M, sinh ngày 05/4/20xx và Trần Cao Ngọc D, sinh ngày 05/5/20xx mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu đến khi cháu M và cháu D tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15/6/2018.

[6] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Trong thời gian chung sống ông B và bà A không có nợ chung. Tuy nhiên sau khi sống ly thân vào tháng 10/2017 bà Cao Thị Yến A có tự vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt số tiền 250.000.000 đồng vay trừ lương của bà A. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có thông báo số 11/2018/TB-TA ngày 21/02/2018 về việc làm đơn yêu cầu độc lập gửi cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt Chi nhánh Sóc Trăng đến ngày 16/5/2018 Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt Chi nhánh Sóc Trăng có đơn không yêu cầu giải quyết đối với tiền bà Cao Thị Yến A

vay vì Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt Chi nhánh Sóc Trăng đồng ý cho bà A thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng từ đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với khoản nợ trên.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Yến A được ly hôn với ông Trần Thanh B.

2. Về con chung: Giao cho bà Cao Thị Yến A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các con chung tên Trần Cao Thảo M, sinh ngày 05/4/20xx và Trần Cao Ngọc D, sinh ngày 05/5/20xx đến tuổi trưởng thành, ông Trần Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Cao Thảo M, sinh ngày 05/4/20xx và Trần Cao Ngọc D, sinh ngày 05/5/20xx mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu đến khi cháu Thảo M và cháu Ngọc D tròn 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15/6/2018.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

4. Về nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Cao Thị Yến A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008801 ngày 03/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà A đã nộp xong án phí. Ông Trần Thanh B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký)*

Nguyễn Thị Nhiện